

Chủ đề 12 PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 1 000

Bài 59 PHÉP CỘNG (không nhớ) TRONG PHẠM VI 1 000 (2 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kĩ năng

- HS thực hiện được phép cộng (không nhớ) số có ba chữ số với số có ba, hai hoặc một chữ số (trong phạm vi 1 000):
 - + Đặt tính theo cột dọc;
 - + Từ phải qua trái, lần lượt cộng hai số đơn vị, hai số chục và hai số trăm.
- Giải được các bài toán thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi đã học.

Phát triển năng lực

Thông qua hoạt động khám phá, phát hiện tình huống, nêu bài toán và cách giải, HS phát triển năng lực giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề.

II CHUẨN BỊ

- Bộ thẻ (ô vuông) biểu diễn 100 đơn vị, 10 đơn vị và các đơn vị lẻ.
- Nếu có điều kiện, GV nên chuẩn bị hình phóng to phần khám phá, bài 3 tiết 1, bài 2 và bài 5 tiết 2.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

Tiết 1. Phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1 000

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Giới thiệu và hướng dẫn thực hiện kĩ thuật đặt tính rồi tính phép cộng (không nhớ) hai số có ba chữ số; vận dụng vào bài toán có lời văn, kết hợp phép tính với so sánh số.

1. Khám phá

– Cách tiếp cận:



- GV cho HS quan sát tranh và dẫn dắt câu chuyện: “Bạn Mai và bạn Việt cho Rô-bốt mượn hai tập sách Du hành vũ trụ. Bạn Rô-bốt không biết mình sẽ đọc bao nhiêu trang sách.”. GV có thể gọi hai HS đọc lời thoại của bạn Mai và Việt.
- GV đặt câu hỏi cho HS, chẳng hạn: “Bài toán cho biết gì, hỏi gì?” hoặc “Cuốn sách của Mai có bao nhiêu trang? Cuốn sách của Nam có bao nhiêu trang?” hoặc “Muốn biết cả hai tập sách có bao nhiêu trang thì bạn Rô-bốt làm phép tính gì?”. GV tóm tắt lại dữ kiện và giả thiết của bài toán. Từ đó dẫn dắt đến phép cộng “ $264 + 312$ ”.
- GV sử dụng bộ thẻ biểu diễn 100 đơn vị, 10 đơn vị và các đơn vị lẻ để giải thích cấu tạo của các số 264, 312. Chẳng hạn: “264 gồm 2 trăm, 6 chục và 4 đơn vị”. Đến phép cộng, GV giải thích thứ tự thực hiện như sau: Từ phải qua trái, gộp các đơn vị, rồi đến gộp các chục, rồi đến gộp các trăm. Chẳng hạn: “Gộp 4 đơn vị với 2 đơn vị được 6 đơn vị, viết số 6 ở hàng đơn vị của kết quả”. GV kết luận kết quả phép cộng là 576. Cuối cùng, GV nêu câu trả lời, chẳng hạn: “Cả hai tập có 576 trang.”.
- GV hướng dẫn kĩ thuật đặt tính rồi tính phép cộng (không nhớ) hai số có ba chữ số như trong SGK.

2. Hoạt động

Bài 1: Yêu cầu HS thực hiện được kĩ thuật tính phép cộng (không nhớ) số có ba chữ số với số có ba hoặc hai chữ số.

HS vận dụng trực tiếp kĩ thuật tính ở phần khám phá.

Bài 2: Yêu cầu HS đặt phép tính theo cột dọc rồi thực hiện kĩ thuật tính phép cộng không nhớ số có ba chữ số với số có ba, hai hoặc một chữ số.

Lưu ý: Khi đặt tính, các số đơn vị (tương ứng số chục, số trăm) đặt thẳng nhau theo cột dọc.

Bài 3: Yêu cầu HS đọc đề bài và quan sát tranh rồi tìm số thích hợp với ô có dấu “?”.

- GV có thể giới thiệu câu chuyện: “Bốn người bạn gồm có hai bạn mèo và hai bạn hà mã đi tìm kho báu ở biển khơi. Các bạn lái hai chiếc tàu. Đến vùng biển nọ, họ vớt được những chiếc hòm đựng ngọc trai.”
- Câu a: Yêu cầu HS xác định thuyền của mèo vớt được hai hòm nào dựa vào đường nối từ mỗi chiếc hòm tới thuyền. Yêu cầu HS thực hiện phép cộng hai số vừa tìm được (ở hòm) để tìm ra số thích hợp với ô có dấu “?”.

Kết quả: Thuyền của mèo vớt được tất cả 478 viên ngọc trai.

– Câu b: Tương tự câu a.

Kết quả: Thuyền của hà mã vớt được 457 viên ngọc trai.

– Tùy trình độ HS, GV có thể đặt thêm câu hỏi: “Thuyền nào vớt được nhiều ngọc trai hơn?”

– GV có thể giới thiệu thêm về tranh minh hoạ của bài toán, chẳng hạn: “Mô tả ba tầng biển sâu. Ở tầng bề mặt là nơi sinh sống của rùa và sao biển. Tầng giữa là cá nhà táng và bạch tuộc. Ở tầng sâu nhất là nơi sinh sống của cá đèn.”

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Củng cố kỹ thuật đặt tính rồi tính phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1 000; vận dụng vào các phép tính cộng với đơn vị dung tích (l), khối lượng (kg) và độ dài (m).

Bài 1: Yêu cầu HS đặt tính rồi tính.

GV cho HS tự làm bài rồi chữa bài.

Bài 2: Yêu cầu HS thực hiện các phép tính ghi trên các thùng hàng trước. Sau đó, yêu cầu HS ghép cặp thùng hàng với cần cầu khớp theo hai dấu hiệu: kết quả phép tính và đơn vị đo.

Lưu ý: Những cần cầu minh hoạ trong hình là cần cầu tháp chuyên dùng để cầu hàng hoá ở các bến cảng.

Bài 3: Yêu cầu HS giải và trình bày bài giải bài toán có lời văn, chẳng hạn:

Bài giải

Số ki-lô-gam cân nặng của hổ con là:

$$107 + 32 = 139 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 139 kg.

Lưu ý: Trong thực tế, khi trưởng thành hổ thường to và nặng hơn sư tử. Hổ đực có thể nặng đến 300 kg, còn sư tử đực có thể nặng đến 225 kg. Trong tranh cũng minh hoạ một chú rùa cạn rất lớn, đó là loài rùa Galapagos. Loài rùa này có thể nặng (kể lục) là 417 kg và sống rất thọ (kể lục là một chú rùa sống đến 255 tuổi).

Bài 4: Yêu cầu HS giải và trình bày bài giải bài toán có lời văn, chẳng hạn:

Bài giải

Số cây hoa hồng trắng có là:

$$424 + 120 = 544 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 544 cây hoa hồng trắng.

Sau khi tìm được số cây hoa hồng trắng, tùy điều kiện, GV có thể đặt thêm câu hỏi cho HS, chẳng hạn: “Trong vườn có tất cả bao nhiêu cây hoa hồng?”.

Bài 5:

- Câu a: HS đọc đề bài, xem tranh và xác định đâu là dòng nước chảy dưới cây cầu, đâu là dòng nước chảy qua bãi đá.

Yêu cầu HS viết phép cộng rồi tính, sau đó tìm số thích hợp với mỗi ô có dấu “?”.

Chẳng hạn:

- $778 + 211 = 989$

Dòng nước chảy dưới cây cầu dài 989 m.

- $481 + 513 = 994$

Dòng nước chảy qua bãi đá dài 994 m.

- Câu b: HS so sánh các quãng đường và tìm ra dòng nước ngắn nhất để về tổ của hải li.

Lưu ý: GV có thể kết nối bối cảnh bài 3, 4 và 5 thành câu chuyện đi thăm khu vườn thượng uyển của nhà vua và hoàng hậu. Trong đó, bài 3 là khu rừng nơi sinh sống của nhiều loài động vật, bài 4 là vườn hoa và bài 5 là nơi sinh sống của hải li.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).